

Số: 21/2026/QĐST-KDTM

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 43/2026/TLST-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2026 được chuyển từ vụ án dân sự thụ lý số 221/2026/TLST-DS ngày 08/7/2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (A1);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình T – Chức vụ: Giám đốc A1 Chi nhánh Q.

Địa chỉ: số G N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Ngọc A, sinh năm 1970; Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: B Đ, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Bùi Ngọc A, bà Nguyễn Thị Thu T1:** Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: F N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Anh T3, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Kim T2, sinh năm: 1978;

Cùng địa chỉ: F N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T3:** Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1978.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/8/2026 là: **7.907.550.197 VND** (bằng chữ: *Bảy tỷ chín trăm linh bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn một trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó: nợ gốc 7.500.000.000 VND, nợ lãi: 407.550.197 VND.

Thời hạn trả nợ: Ngày 15 tháng 9 năm 2026.

Tiền lãi suất phát sinh: Kể từ ngày 18/8/2026 Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu T1 còn phải chịu tiền lãi suất phát sinh cho đến khi ông Bùi Ngọc A, bà Nguyễn Thị Thu T1 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, lãi suất theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5109-LAV-202500159 ngày 21/3/2025 mà ông A, bà T1 đã ký với Ngân hàng.

Về tài sản bảo đảm: Trường hợp khi đến hạn trả nợ, ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5109- LCL-202500068 ngày 21/03/2025 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5109-LCL-202500069 ngày 21/03/2025 được ký kết giữa A1 Chi nhánh Q với Bà Lê Thị Kim T2 và Ông Nguyễn Anh T3 để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 157; tờ bản đồ số 46, diện tích 165,5m². Địa chỉ thửa đất: đường L, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 235244 do Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum cấp ngày 22/10/2015 và tài sản gắn liền với đất mang tên bà Lê Thị Kim T2.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 132; tờ bản đồ số 24, diện tích 227m². Địa chỉ thửa đất: đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 097237 do Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum cấp ngày 22/10/2013 và tài sản gắn liền với đất mang tên bà Lê Thị Kim T2 và ông Nguyễn Anh T3.

Trường hợp phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu T1 tại Ngân hàng N thì Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Anh T3 và bà Lê Thị Kim T2 nhận chịu 26.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng N đã nộp tạm ứng do đó ông Nguyễn Anh T3 và bà Lê Thị Kim T2 phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền là 26.800.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng*).

2.3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Anh T3 và bà Lê Thị Kim T2 nhận chịu số tiền 57.953.775 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 59.150.694 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000104 ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025./*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Bình